yì yáng dùn cuò

抑扬顿挫

verb/idiom · rise and fall / fluctuate

Example Sentences

tā de xù shù píng dàn wú qí háo wú yì yáng dùn cuò kě yán
他的叙述平淡无奇，毫无抑扬顿挫可言。

His narration was dull and lacked any rise and fall.

tā shuō huà yì yáng dùn cuò hěn hǎo tīng
他说话抑扬顿挫，很好听。

He speaks with cadence, which sounds very pleasant.

tā lǎng dú shī gē shí shēng yīn yì yáng dùn cuò shí fēn dòng tīng
他朗读诗歌时，声音抑扬顿挫，十分动听。

When he recited the poem, his voice rose and fell rhythmically, very pleasant to hear.

Trace each character, then write the word on your own.

抑 抑 抑 抑 抑 抑 抑 抑 抑 抑

扬 扬 扬 扬 扬 扬 扬 扬 扬

顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿 顿

yì yáng dùn cuò

抑扬顿挫

continued practice
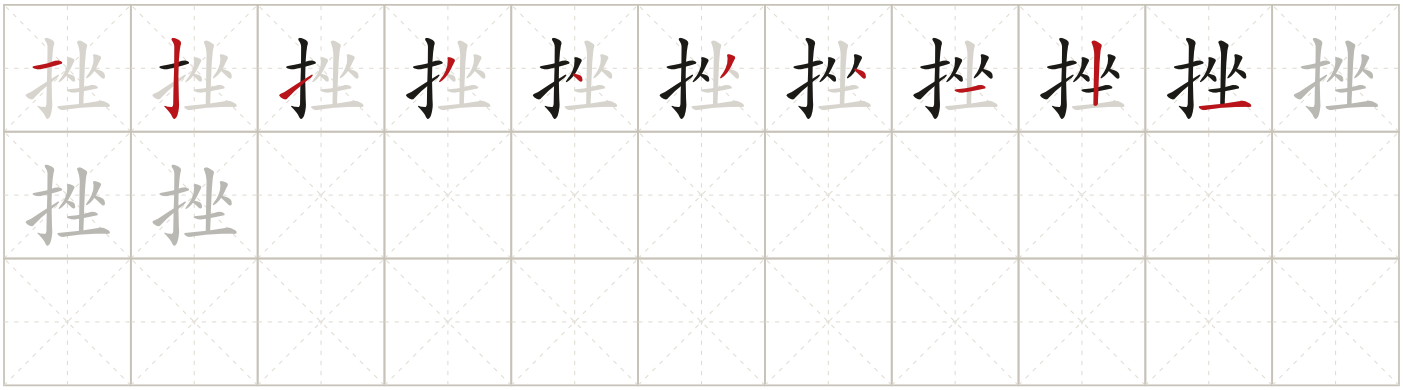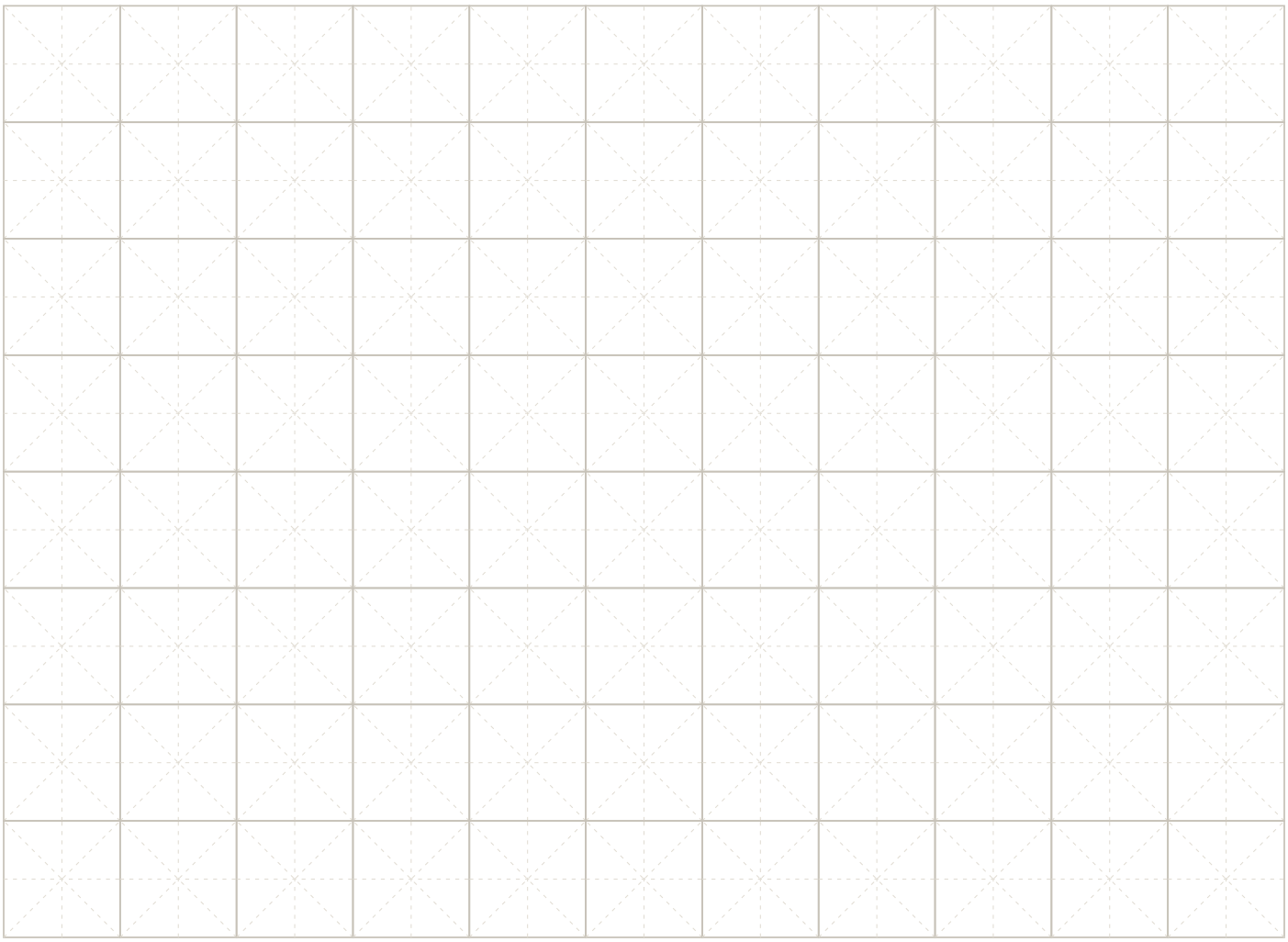
Continue tracing each character, then write the word on your own.